

Bản án số: 05/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 30-01-2026

V/v: “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - LAI CHÂU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên toà: Bà Phạm Thị Nga

Các hội thẩm nhân dân: Ông Giàng A Chinh, bà H Thị Kim Quy.

- Thư ký phiên toà: Ông Giàng A Hà - Thư ký Toà án nhân dân khu vực 1 - Lai Châu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Lai Châu tham gia phiên toà: Ông Tăng Bá Vương, Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 01 năm 2026 tại Trụ sở Toà án nhân dân khu vực 1 - Lai Châu xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 35/2025/TLST- HNGĐ ngày 29/10/2026 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2026/QĐXX-ST ngày 14/01/2026, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà V Thị H, sinh năm 1970

Địa chỉ: Đội 4, xã T, tỉnh Lai Châu (có mặt).

2. *Bị đơn:* Ông Đặng Đình T, sinh năm 1968

Địa chỉ: Đội 4, xã T, tỉnh Lai Châu (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

*** Theo đơn khởi kiện về việc ly hôn và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà V Thị H trình bày:**

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Đặng Đình T về chung sống với nhau từ năm 1988 trên cơ sở tự nguyện và có tổ chức đám cưới nhưng không đăng ký kết hôn, trong quá trình chung sống bà không nhớ là ông bà có đến Ủy ban nhân dân xã Hồ Thầu (cũ) để đăng ký kết hôn hay không vì đến nay thời gian đã lâu nên bà không nhớ. Quá trình chung sống bà và ông T chung sống hạnh phúc đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống, thuyên xẩy ra cãi vã lẫn nhau. Mâu thuẫn vợ chồng đã rất cố gắng khắc phục, nhưng không có kết quả. Hiện nay bà và ông T vẫn sống chung một nhà nhưng không ai quan tâm

đến ai. Nay bà H nhận thấy tình cảm giữa bà và ông T không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Đặng Đình T.

Về con chung: Bà và ông Đặng Đình T có 03 con chung là cháu Đặng Thị H, sinh năm 1991; cháu Đặng Đình V, sinh năm 1991; cháu Đặng Đình H, sinh ngày 1997. Hiện nay các cháu đều đã trưởng thành và đã lập gia đình riêng nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung, cho vay chung: không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Tại biên bản lấy lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa bị đơn ông Đặng Đình T trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà V Thị H về chung sống với nhau từ năm 1988 trên cơ sở tự nguyện và có tổ chức đám cưới nhưng không đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống ông và bà H chung sống hạnh phúc hòa thuận không có mâu thuẫn gì lớn, có lần ông có uống rượu về nên vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn và đã được gia đình hòa giải nhưng bà H không nghe. Hiện nay ông và bà H vẫn sống chung một nhà và ông mong muốn vợ chồng quay về đoàn tụ, còn nếu bà H nhất quyết xin ly hôn thì ông cũng đồng ý.

Về con chung: Ông và bà V Thị H có 03 con chung là cháu Đặng Thị H, sinh năm 1991; cháu Đặng Đình V, sinh năm 1991; cháu Đặng Đình H, sinh ngày 1997. Hiện nay các cháu đều đã trưởng thành và đã lập gia đình riêng nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung, cho vay chung: ông và bà V Thị H tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Kết quả xác minh của Tòa án ngày 05/11/2025 tại Ủy ban nhân dân xã T, tỉnh Lai Châu hiện nay không có hồ sơ lưu trữ nào thể hiện việc có đăng ký kết hôn giữa ông Đặng Đình T, sinh năm 1968 và bà V Thị H, sinh năm 1970 vào thời điểm năm 1988.

* Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Lai Châu có ý kiến về thủ tục tố tụng như sau: Quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật về nhiệm vụ quyền hạn của Thẩm phán được phân công, tiến hành thụ lý vụ án đúng trình tự, thủ tục và gửi thông báo thụ lý vụ án đúng thời hạn quy định; xác định đúng tư cách tố tụng của đương sự; thu thập chứng cứ khách quan, công khai; ra quyết định xét xử và chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu đúng thời hạn luật định; việc cấp, tổng đạt văn bản tố tụng đảm bảo. Thư ký phiên tòa đã chấp hành đúng quy định của pháp luật về nhiệm vụ, quyền hạn được phân công. Hội đồng xét xử đã xét xử vụ án đúng nguyên tắc, thành phần. Nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật tố

tụng dân sự, bị đơn không tuân thủ đúng quy định của pháp luật quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 8 Luật Hôn nhân và gia đình năm 1986; Điều 9, khoản 1 Điều 14, Điều 53, Điều 54, Điều 57 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06 tháng 01 năm 2016 Hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban TH vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà V Thị H về việc Ly hôn.

- Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ hôn nhân giữa bà V Thị H và ông Đặng Đình T.

- Về con chung: Bà V Thị H và ông Đặng Đình T có 03 con chung là cháu Đặng Thị H, sinh năm 1991; cháu Đặng Đình V, sinh năm 1991; cháu Đặng Đình H, sinh ngày 1997. Hiện đã trưởng thành và lập gia đình, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét.

- Về tài sản chung, nợ chung: Bà V Thị H và ông Đặng Đình T không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét.

- Về án phí: Bà V Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Đề nghị ghi nhận và giải thích về quyền kháng cáo của các đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Đây là vụ án Hôn nhân và gia đình giữa nguyên đơn bà V Thị H và bị đơn ông Đặng Đình T có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại Đội 4, xã T, tỉnh Lai Châu. Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 1 – Lai Châu.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Trên cơ sở lời khai của bà V Thị H và ông Đặng Đình T đều thừa nhận ông bà về chung sống với nhau từ năm 1988 nhưng không đăng ký kết hôn. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành xác minh và kết quả xác minh của Tòa án ngày 05/11/2025 tại Ủy ban nhân dân xã T, tỉnh Lai Châu thể hiện:

không có hồ sơ lưu trữ nào thể hiện việc có đăng ký kết hôn giữa ông Đặng Đình T, sinh năm 1968 và bà V Thị H, sinh năm 1970 vào thời điểm năm 1988. Do đó, hôn nhân của bà V Thị H và ông Đặng Đình T là hôn nhân không hợp pháp. Việc bà H và ông T không thực hiện các quy định của pháp luật khi chung sống với nhau mà không đăng ký kết hôn tại cơ quan chức năng có thẩm quyền là vi phạm Điều 8 Luật Hôn nhân và gia đình năm 1986; Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Vì vậy, căn cứ Điều 8 Luật Hôn nhân và gia đình năm 1986; Điều 9, khoản 1 Điều 14, Điều 53, Điều 54, Điều 57 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà V Thị H và ông Đặng Đình T.

[4] Về con chung: Bà V Thị H và ông Đặng Đình T có 03 con chung là cháu Đặng Thị H, sinh năm 1991; cháu Đặng Đình V, sinh năm 1991; cháu Đặng Đình H, sinh ngày 1997. Hiện các cháu đều đã trưởng thành và lập gia đình, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Bà V Thị H và ông Đặng Đình T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[6] Về án phí: Bà V Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban TH vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[7] Từ những nhận định trên Hội đồng xét xử xét thấy quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Lai Châu là có căn cứ cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 8 Luật Hôn nhân và gia đình năm 1986; Điều 9, khoản 1 Điều 14, Điều 53, Điều 54, Điều 57 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06 tháng 01 năm 2016 Hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban TH vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà V Thị H về việc Ly hôn.

[1] Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà V Thị H và ông Đặng Đình T.

[2] Về con chung: Bà V Thị H và ông Đặng Đình T có 03 con chung là cháu Đặng Thị H, sinh năm 1991; cháu Đặng Đình V, sinh năm 1991; cháu Đặng Đình H, sinh ngày 1997. Hiện các cháu đều đã trưởng thành và lập gia đình, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Bà V Thị H và ông Đặng Đình T không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét.

[4] Về án phí: Bà V Thị H phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (*Bằng chữ: Ba trăm nghìn đồng*) đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0000240 ngày 29/10/2025 tại Phòng Thi hành án dân sự khu vực 1 – Lai Châu. Bà V Thị H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

[5] Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lai Châu;
- VKSND khu vực 1 - Lai Châu;
- Phòng THADS khu vực 1 - Lai Châu;
- UBND xã T, tỉnh Lai Châu;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Nga

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Các Hội thẩm nhân dân Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phạm Thị Nga

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Lai Châu;
- VKSND tỉnh Lai Châu;
- VKSND TP. Lai Châu;
- Chi cục THADS TP.Lai
Châu;
- UBND thị trấn Sìn hồ,
huyện Sìn Hồ, tỉnh Lai
Châu;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Nga

